**BuddhaSasana** [**Home Page**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)This document is written in Vietnamese, with **Unicode Times** font

**Tiểu Bộ Kinh - Tập VII**

**Chuyện Tiền Thân Đức Phật (IV)**

***Giáo sư Trần Phương Lan dịch Việt***

|  |
| --- |
| **Chương VII Phẩm bảy bài kệ**  **396. Chuyện Ác Hạnh (Tiền thân Kukku)**  ***Cái nóc nhà này cao thước rưỡi...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một quốc vương. Hoàn cảnh này sẽ xuất hiện trong tiền thân Tesakuna, số 521.*  \*  Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát là quốc sư về thế sự cũng như thánh sự. Vua ấy đi theo tà đạo, cai trị bất chánh và thâu góp tài sản bằng cách đàn áp dân chúng. Bồ-tát muốn khuyến giáo vua, liền đi quanh quẩn tìm một ví dụ.  Bấy giờ, nội thất trong cung làm chưa xong, nên mái nhà trên ấy chưa hoàn chỉnh. Các cây rui chống đỡ nóc nhọn chỉ vừa mới được đặt vào đúng vị trí. Vua đã du ngoạn trong ngự viên, khi trở về cung, vua nhìn lên và thấy nóc nhà hình tròn, sợ nó sẽ rớt xuống, vua bước ra đứng bên ngoài, rồi lại nhìn lên và suy nghĩ: "Làm thế nào nóc nhà này đứng yên như vậy. Các rui này ra sao? Và vua liền ngâm vần kệ đầu hỏi Bồ-tát:  *1. Cái nóc nhà này cao thước rưỡi, Tám cây kèo lớn đỡ quây quần Gỗ sim-sa với sà-ra thẳng, Bởi vậy nóc nhà đứng vững chăng?*  Nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta đã có được một ví dụ để khuyến giáo nhà vua". Ngài liền ngâm các vần kệ sau:  *2. Ba mươi rui nhỏ gỗ sa-ra Ðược xếp đều quanh dưới mái nhà, Áp sát vào nhau nâng thật vững, Cho nên nóc đứng thẳng ngay mà.  3. Vậy người có trí được quây quần Với quốc sư hiền, bạn tận trung, Sẽ chẳng sa cơ lúc mạt vận, Như rui đỡ nóc mái thăng bằng.*  Trong lúc Bồ-tát đang nói, vua xem xét kỹ hành vi xử thế của mình: "Nếu không có nóc nhà thì các cây rui không đứng vững; nóc nhà cũng không đứng vững nếu không được các cây rui nâng đỡ. Nếu các cây rui gãy thì nóc nhà sụp đổ. Cũng vậy, một vị vua ác hạnh không tập hợp các thân bằng, đại thần, quân đội, Bà-la-môn và gia chủ lại với nhau, và nếu đám quần thần tan rã vua không được nâng đỡ sẽ mất hết quyền lực, vì thế vua phải sống công chính".  Ngay lúc ấy, đám thị nữ đem dâng vua một quả bưởi. Vua bảo Bồ-tát:  - Này Hiền hữu, hãy ăn bưởi này.  Bồ-tát cầm bưởi và thưa:  - Tâu Ðại vương, người nào không biết cách ăn bưởi sẽ làm cho nó đắng hoặc cay. Song người có trí biết cách lấy chất đắng ra, và không bỏ chất chua, hoặc làm hỏng hương vị của bưởi khi ăn bưởi.  Rồi dùng thí dụ này, ngài trình bày cho vua biết cách tạo tài sản chân chánh qua hai vần kệ:  *4. Ăn bưởi luôn phần vỏ đắng cay, Nếu không gọt vỏ với dao này, Chỉ ăn phần ruột là thơm ngọt, Nếu thêm vỏ thì hết ngọt ngay.*  *5. Vậy người có trí chẳng hung tàn Thâu góp thuế trong các xóm làng, Tăng sản nghiệp nhưng không phạm tội. Bước đường chân chánh tạo danh vang.*  Vua vừa tham vấn Bồ-tát vừa đi đến hồ sen, khi nhìn một hoa sen đang nở có màu sáng đẹp như mặt trời mới mọc, không bị nước làm ô nhiễm, nhà vua bảo:  - Này Hiền hữu, hoa sen kia mọc thẳng lên không bị nước làm ô nhiễm sắc hương.  Bồ-tát liền đáp lại:  - Tâu Ðại vương, một vị vua cũng phải như vậy.  Rồi Ngài ngâm các vần kệ này để khuyến giáo:  *6. Như hoa sen nở ở trong hồ Rễ trắng, nước trong bảo dưỡng cho, Dưới ánh mặt trời hoa nở đẹp Không hề bụi bặm chẳng bùn nhơ.  7. Vậy người có đức hạnh đưa đường, Khéo luyện ôn nhu, đủ thiện lương, Như đóa sen trong hồ nước ấy, Bùn nhơ chẳng cấu uế tâm can.*  Vua nghe lời Bồ-tát khuyên giáo từ đó về sau trị nước chân chính và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác, nên được sinh lên thiên giới.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật và nhận diện Tiền thân:*  *- Thời ấy, vua là Ànanda và vị quốc sư có trí chính là Ta.*  -ooOoo-  **397. Chuyện Sư Tử Manoja (Tiền thân Manoja)**  ***Cung nọ đã giương cong vút lên...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Trúc Lâm về một Tỷ-kheo thân cận bạn ác.*  *Hoàn cảnh đã được nêu đầy đủ chi tiết trong tiền thân Mahilàmukhata, số 26. Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, không phải lần đầu kẻ này thân cận bạn ác.*  *Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là Sư tử sống với Sư tử cái và hai con, một trai một gái. Sư tử con tên là Manoja. Khi lớn lên, nó lấy một sư tử cái làm vợ. Như thế cả bầy có năm sư tử.  Manoja thường giết trâu rừng và nhiều dã thú khác, nhờ đó nó đem thịt sống về nuôi cha mẹ, em và vợ. Một hôm trong chỗ săn mồi, nó thấy một chó rừng tên Giriya không chạy được và đang nằm sấp. Nó hỏi:  - Này bạn, sao thế?  - Tâu Chúa công, tôi muốn phục vụ ngài.  - Thế thì tốt.  Sau đó, nó đem chó rừng về hang, Bồ-tát thấy vậy bảo:  - Này con Manoja, chó rừng là loại độc ác tham tàn, hay xúi giục điều xấu, đừng đưa thứ chó này về ở gần con.  Song ngài không ngăn cản được nó.  Thế rồi một hôm, chó rừng muốn ăn thịt ngựa, liền nói với Manoja:  - Tâu Chúa công, trừ thịt ngựa ra, chúng ta không có gì ăn cả. Vậy chúng ta hãy đi bắt ngựa.  - Song nơi đâu có ngựa thế, bạn?  - Tại Ba-la-nại, cạnh bờ sông.  Manoja nghe lời khuyên này và cùng đi với chó đến nơi có bầy ngựa tắm dưới sông. Nó bắt một con ngựa, mang trên lưng chạy nhanh về miệng hang. Sư tử cha ăn thịt ngựa và bảo:  - Này con, bầy ngựa là tài sản của vua, mà vua chúa thường có nhiều mưu kế, lại nhiều người thiện xạ bắn cung. Sư tử ăn thịt ngựa không sống lâu được đâu. Từ rày con đừng bắt ngựa nữa.  Sư tử con không theo lời cha khuyên nhủ, cứ tiếp tục bắt ngựa. Vua nghe có con sư tử đến bắt ngựa, liền bảo làm một hồ nước cho ngựa ở trong kinh thành. Song sư tử vẫn đến bắt ngựa. Vua truyền làm chuồng ngựa với máng thức ăn, nước uống đem đến tận nơi cho chúng. Sư tử nhảy vượt bức tường và bắt ngựa từ chuồng ra. Vua liền truyền gọi một xạ thủ có tài bắn nhanh như chớp, hỏi anh ta có thể bắn sư tử chăng. Anh ta tâu có thể, rồi làm một tháp canh gần bức tường, nơi sư tử thường đến và đợi tại đấy.  Sư tử đến, để chó rừng ở một nghĩa địa bên ngoài, còn nó nhảy vào thành bắt ngựa. Người xạ thủ suy nghĩ: "Tốc lực của sư tử này quá nhanh khi nó đến". Cho nên anh ta chưa bắn nó, song khi nó trở về mang theo con ngựa, bị vướng víu vì gánh nặng kia, người xạ thủ liền bắn một mũi tên nhọn vào phía đùi sau của sư tử. Mũi tên đâm xuyên suốt ra phía đùi trước và bay vút lên không. Sư tử thét lên:  - Ta bị thương rồi!  Sau khi bắn sư tử xong, vị thiện xạ búng dây cung vang lên như sấm. Chó rừng nghe tiếng sư tử gầm và tiếng cung vang rền, liền suy nghĩ: "Bạn ta đã bị bắn, chắc hẳn phải chết, thôi chẳng còn tình bạn gì với vật đã chết, ta muốn đi về hang cũ trong rừng kia". Rồi nó ngâm hai vần kệ:  *l. Cung nọ đã giương cao vút lên, Dây cung phát tiếng sấm vang rền, Ma-no-ja, chúa sơn lâm ấy, Thân hữu của ta, bị giết liền.  2. Than ôi, ta phải kiếm khu rừng, Cố sức hết lòng, thật gắng công, Ta phải tìm về nơi trú ẩn, Bỗng dưng tình bạn hóa thành không.*  Sư tử con chạy vụt về ném xác ngựa trước miệng hang, rồi ngã chết liền. Thân quyến vội bước ra, thấy mình nó nhuộm đầy máu từ vết thương chảy xiết, vừa nằm chết vì đã đi theo bạn ác. Cha, mẹ, em và vợ sư tử lần lượt ngâm bốn vần kệ:  Cha:  *3. Số phận con ta chẳng thịnh hưng, Say mê, kết hợp ác thân bằng, Nhìn Ma-no ấy đang nằm đó Do bởi lời khuyên của chó rừng.*  Mẹ:  *4. Lòng mẹ chẳng vui khi thấy con Kết giao với bọn ác thân bằng Nhìn Ma-no ấy đang nằm đó Máu chảy nhuộm đầy cả tấm thân.*  Em:  *5. Cũng vậy bước đi kẻ thấp hèn Trong đời tăm tối phải nằm yên, Không hề nghe được lời khuyên nhủ Của bạn thật chân, bậc trí hiền.*  Vợ:  *6. Phần số tệ tàn hơn biết bao Khi người ở địa vị trên cao Lại tin tưởng bọn người hèn kém, Nhìn chúa sơn lâm đã ngã nhào!*  \*  Và cuối cùng là vần kệ phát xuất từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:  *7. Ai theo bọn hạ tầng Chính nó bị bỏ ruồng; Ai thân người đồng đẳng Chẳng hề bị phụ phàng; Ai phục người tối thượng Sẽ mau chóng thịnh hưng. Vậy tìm người ưu việt Ðể có chốn nương thân.*  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, chó rừng là Ðề-bà-đạt-đa, Manoja là vị Tỷ-kheo thân cận bạn ác, em gái là Uppalavannà (Liên Hoa Sắc), vợ của sư tử là Tỷ-kheo-ni Khemà (Thái Hòa), Sư tử mẹ là mẫu thân Ràhula và Sư tử cha chính là Ta.*  -ooOoo-  **398. Chuyện Hiếu Tử Sutana (Tiền thân Sutana)**  ***Vua đã gửi ngươi một bát cơm...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng cha mẹ mình. Hoàn cảnh sẽ xuất hiện trong Tiền thân Sàma, số 540.*  *\**  Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình nghèo, cha mẹ đặt tên ngài là Sutana. Khi lớn khôn, ngài làm việc kiếm tiền nuôi cha mẹ, đến thời cha ngài qua đời, ngài phụng dưỡng mẹ mình.  Thời ấy, vua Ba-la-nại thích săn bắn. Một hôm vua cùng quần thần đông đảo đi vào một khu rừng rộng khoảng một hai đặm, và truyền lệnh cho tất cả mọi người:  - Nếu có con nai nào chạy thoát ở điểm canh giữ của người nào thì người ấy bị phạt số tiền bằng giá con nai.  Sau khi dựng một túp lều được dấu kín bên vệ đường, quần thần dâng nó cho vua dùng. Bầy nai bị chấn động vì tiếng la hét của đám người bao vây nơi trú ẩn của chúng, rồi một con nai chạy về địa điểm vua canh giữ. Vua nghĩ thầm "Ta muốn bắn nó" rồi giương cung lên. Con vật biết mưu kế đánh lừa, thấy mũi tên sắp đến gần sườn liền ngã lăn tròn như thể trúng mũi tên. Vua nghĩ: "Ta đã bắn trúng nó và chạy lại bắt nai."  Nhưng con nai vùng lên lao vụt nhanh như gió. Quần thần và mọi người kia đều cười nhạo vua. Ông liền đuổi theo con nai cho đến khi nó mệt nhoài thì rút kiếm chặt nó làm đôi. Rồi kéo con nai lên một khúc gỗ, ông khiêng nó lên như cái đòn gánh, vừa đi vừa nói: "Ta muốn nghỉ ngơi một lát", ông đến gần cây đa bên vệ đường và nằm xuống ngủ say.  Một quỷ Dạ-xoa (Yakkha) tên là Makhadeva tái sinh ở cây đa này, được Thiên vương Vessavana (Tỳ-sa-môn) cho phép bắt mọi sinh vật nào đến gần nó để ăn thịt. Khi vua này thức dậy, Dạ-xoa bảo:  - Cứ ở lại đây, ngươi là món mồi của ta.  Rồi nó cầm lấy tay vua.  - Ngài là ai? Vua hỏi.  - Ta là Quỷ Dạ-xoa, sinh ra tại đây. Ta bắt mọi người đến nơi đây để ăn thịt.  Vua lấy hết can đảm hỏi:  - Thế ngài chỉ ăn thịt hôm nay hay ăn mãi?  - Ta sẽ còn ăn mãi mọi vật ta bắt được.  - Thế thì hãy ăn con nai này hôm nay và để ta đi về. Từ ngày mai ta sẽ gửi cho ngài một người cùng với một đĩa cơm mỗi ngày.  - Vậy hãy cẩn thận đấy. Hễ ngày nào không gởi ai đến thì ta sẽ ăn thịt ngươi.  - Ta là quốc vương ở Ba-la-nại, chẳng có việc gì ta không làm được cả.  Quỷ Dạ-xoa nhận lời hứa rồi để vua ra về. Khi vua đến kinh thành, ông đem chuyện ấy kể cho vị cận thần nghe và hỏi những gì cần phải làm.  - Tâu Ðại vương, có hạn kỳ nhất định nào không?  - Không.  - Thế thì Ðại vương đã tính việc sai rồi đấy. Nhưng không sao cả. Có rất nhiều tù nhân trong ngục.  - Vậy khanh cố sắp đặt việc này để cứu mạng ta.  Vị cận thần đồng ý, mỗi ngày bắt một tù nhân từ trong ngục gửi ra cho quỷ Dạ-xoa cùng với một dĩa cơm mà không nói gì với kẻ ấy cả. Quỷ Dạ-xoa ăn hết cả cơm lẫn người. Sau một thời gian các ngục thất đều trống vắng. Vua tìm không ra người đi đưa cơm, lòng run rẩy sợ chết. Vị cận thần an ủi ông và bảo:  - Tâu Ðại vương, lòng tham tài sản còn mạnh hơn lòng tham sống. Ta hãy gói một ngàn đồng tiền đặt trên lưng voi, rồi lấy trống truyền lệnh: "Ai muốn đem cơm cho quỷ Dạ-xoa và lãnh số tiền bạc này?".  Vua nghe lời làm theo như vậy. Bồ-tát suy nghĩ: "Ta chỉ làm công được một xu rưởi mỗi ngày khó lòng phụng dưỡng mẹ. Nay ta muốn lấy số tiền kia trao cho mẹ rồi đi gặp quỷ Dạ-xoa. Nếu ta thắng nó thì tốt, còn nếu không thì mẹ ta cũng sống an nhàn sung túc". Vì thế ngài nói chuyện với mẹ, song bà bảo:  - Mẹ vừa đủ rồi, mẹ không cần tiền bạc.  Rồi bà ngăn cản ngài hai lần, nhưng lần thứ ba, ngài không xin phép mẹ nữa, mà đến gặp quan quân nói:  - Thưa các quan, hãy đưa ngàn đồng tiền, tôi nhận mang cơm đi.  Rồi đưa cho mẹ ngàn đồng tiền, ngài bảo:  - Mẹ thân yêu, đừng lo buồn, con sẽ thắng quỷ Dạ-xoa và đem hạnh phúc cho mọi người. Con sẽ trở về nhà khiến cho mẹ đang khóc than phải cười to lên đấy.  Rồi chào mẹ xong, ngài cùng quan quân đi yết kiến vua, rồi kính lễ vua và đứng tại đó. Vua hỏi:  - Này, thiện nam tử, cậu muốn đem cơm à?  - Tâu Ðại vương, phải.  - Thế cậu cần mang theo vật gì bên mình?  - Tâu Ðại vương, đôi hài bằng vàng của ngài.  - Tại sao thế?  - Tâu Ðại vương, quỷ Dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng trên mặt đất dưới gốc cây của nó, còn tiểu tử sẽ đứng trên đôi hài, chứ không phải trên mặt đất.  - Thế còn vật gì nữa?  - Tâu Ðại vương, chiếc lọng của ngài.  - Tại sao thế?  - Tâu Ðại vương, quỷ Dạ-xoa kia chỉ ăn thịt kẻ nào đứng dưới bóng cây của nó, còn tiểu tử đứng dưới bóng chiếc lọng, chứ không phải bóng cây.  - Thế còn vật gì nữa?  - Tâu Ðại vương, thanh kiếm của ngài.  - Ðể làm gì?  - Tâu Ðại vương, ngay loài quỷ cũng sợ những người mang khí giới trong tay.  - Thế còn gì nữa chăng?  - Tâu Ðại vương, cái bát vàng của ngài, đựng đầy ngự thiện dâng lên ngài.  - Này thiện nam tử, tại sao vậy?  - Một người có trí khôn như tiểu tử mà phải ăn cơm gạo thô trong dĩa đất thì không thích hợp chút nào.  Vua chấp thuận và sai các quan đem đủ mọi thứ ngài đã yêu cầu. Bồ-tát thưa:  - Tâu Ðại vương, đừng sợ gì cả, tiểu tử nguyện sẽ trở về hôm nay sau khi chiến thắng quỷ Dạ-xoa và đem lại an lạc cho ngài.  Thế rồi ngài cầm mọi thứ cần dùng và đi đến nới ấy, ngài sắp đặt mọi người đứng không xa nơi ấy rồi mang đôi hài vàng vào chân, đeo thanh kiếm vào đai, che chiếc lọng trên đầu và cầm bát cơm bằng vàng đến gặp Dạ-xoa.  Quỷ Dạ-xoa nhìn ra đường thấy ngài liền suy nghĩ: "Người này đến đây không giống bọn người đã đến trước kia, vì duyên cớ gì vậy?".  Bồ-tát đứng gần cây, lấy mũi kiếm đẩy dĩa cơm vào dưới bóng cây rồi đứng gần bóng cây, ngâm vần kệ đầu:  *1. Vua đã gửi ngài một bát cơm, Lại thêm thịt nấu thật ngon thơm, Ma-kha có ở nhà không đấy, Xin hãy bước ra nhận để ăn!*  Nghe vậy, quỷ Dạ-xoa suy nghĩ: "Ta muốn đánh lừa nó, rồi sẽ ăn thịt nó khi nó bước vào bóng cây". Con quỷ liền ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Hãy bước vào trong, hỡi cậu trai, Với cao lương mỹ vị trên tay, Cả cơm cùng với thân người nữa, Này cậu, ta xơi tuyệt lắm thay!*  Tiếp theo, Bồ-tát đáp hai vần kệ:  *3. Dạ-xoa sẽ mất vật to hơn Ðổi lấy vật này bé con con. Tất cả mọi người đều sợ chết, Chẳng còn ai đến biếu cao lương!  4. Vậy ngài sẽ được cấp lương cao Tinh sạch nêm gia vị ngọt ngon. Song nếu ăn ta, thì khó kiếm Một người nào khác đến đem cơm.*  Quỷ Dạ-xoa suy nghĩ: "Cậu trai này nói có lý", rồi đầy thiện ý, nó ngâm hai vần kệ:  *5. Su-ta-na, quả thật đúng thay Mối lợi ta như cậu tỏ bày, Hãy trở lại thăm hiền mẫu nhé, Ta cho phép cậu bước đi ngay.*  *6. Lấy gươm, lọng, bát, cậu thanh niên, Hãy nhắm đường đi, cất bước liền, Thăm mẹ hiền trong niềm phấn khởi, Cho bà sống hạnh phúc bình yên.*  Nghe lời Dạ-xoa, Bồ-tát hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: "Bổn phận ta đã hoàn thành, quỷ Dạ-xoa đã được chinh phục, ta được hưởng tài sản và lời hứa của vua đã được thực hiện". Ngài liền ngâm vần kệ cuối cùng:  *7. Dạ-xoa cùng với mọi thân nhân, Mong ước toàn gia được phước ân, Lệnh vua đã thực hành viên mãn, Tài sản ta nay được hưởng phần.*  Ngài khuyến giáo quỷ Dạ-xoa và bảo:  - Này bạn, xưa kia bạn đã tạo ác nghiệp, bạn tham tàn độc ác, ăn thịt nhiều người nên tái sinh làm quỷ Dạ-xoa. Từ rày về sau đừng giết hại sinh mạng như vậy nữa.  Thế là ngài nêu rõ mọi công đức nhờ giữ giới hạnh và các nỗi khổ đau vì tạo ác nghiệp. Rồi an trú quỷ Dạ-xoa vào Ngũ giới, ngài bảo:  - Này, tại sao bạn ở trong rừng? Mau lên, ta sẽ để bạn cư ngụ cạnh cổng thành và bảo đem cao lương mỹ vị đến cho bạn.  Sau đó ngài ra đi cùng quỷ Dạ-xoa, bảo nó cầm kiếm cùng nhiều vật khác và đến thành Ba-la-nại. Quân sĩ báo tin Sutana đã trở về cùng quỷ Dạ-xoa. Vua cùng triều thần đi ra đón Bồ-tát và làm chỗ cư trú cho quỷ Dạ-xoa tại cổng thành, rồi sai người đem cao lương mỹ vị cho nó. Xong vua vào thành, lấy trống truyền lệnh hội họp toàn dân trong thành để tuyên dương công trạng của Bồ-tát và phong ngài chức vụ thống lãnh quân đội. Còn chính vua được an trú vào lời dạy của Bồ-tát, thực hành nhiều thiện sự, bố thí và các công đức khác nên về sau tái sinh cõi thiên.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đã đạt Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, quỷ Dạ-xoa là Angulimàla (Người đeo vòng ngón tay), vua là Ànanda và hiếu tử kia chính là Ta.*  -ooOoo-  **399. Chuyện Chim Thứu (Tiền thân Gijjha)**  ***Làm sao thân lão biết tìm mồi...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.*  \*  Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm chim Thứu (kên kên). Khi lớn lên, ngài đưa cha mẹ đã già và mù mắt vào ở trong hang thứu và đem thịt quạ cùng nhiều loại khác về nuôi hai vị. Thời ấy có một thợ săn đặt bẫy bắt chim thứu quanh nghĩa địa Ba-la-nại.  Một hôm Bồ-tát đi kiếm thịt đến gần nghĩa địa và sa chân vào bẫy. Ngài không nghĩ đến mình, mà chỉ nhớ đến cha mẹ già: "Giờ đây làm sao cha mẹ sống được? Ta chắc hai vị sẽ chết vì không biết ta mắc bẫy, sẽ bơ vơ khốn khổ và héo mòn dần trong hang núi ấy". Do vậy ngài ngâm vần kệ đầu than khóc:  *1. Làm sao thân lão biết tìm mồi Trong chốn hang sâu của núi đồi? Ta bị buộc chân vào chiếc bẫy, Làm nô lệ của Ni-la thôi.*  Con trai người thợ săn, nghe ngài than khóc, liền ngâm vần kệ thứ hai, chim Thứu ngâm vần kệ thứ ba và cứ liên tiếp xen kẽ như vậy:  Con của thợ săn:  *2. Chim Thứu, sao chim khóc ỉ ôi, Tiếng chim đưa đến tận bên tai, Ta chưa từng thấy hay nghe được Chim biết thốt ra tiếng giống người.*  Chim Thứu:  *3. Ta nuôi phụ mẫu đã già rồi Ở trong hang nọ dưới chân đồi, Làm sao thân lão tìm mồi được Khi thứu trở thành nô lệ người?*  Con của thợ săn:  *4. Kên kên nhìn xác chết đằng xa Hơn cả một trăm dặm vượt qua, Vì cớ sao chim không thấy rõ Lưới kia bẫy nọ thật gần mà?*  Chim Thứu:  *5. Khi đời sắp đến vận suy tàn, Thần chết đang đòi hỏi số phần, Dù có đứng gần bên chiếc bẫy, Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng!*  Con của thợ săn:  *6. Thôi hãy về đi với lão thân Ở trong hang núi, hãy chăm nom, Về thăm cha mẹ trong an lạc, Chim được ta cho thỏa ước mong.*  Chim Thứu:  *7. Hỡi thợ săn cùng cả họ hàng, Cầu mong hạnh phúc đến nhà chàng! Ta về với mẹ cha già yếu, Chăm sóc hai thân ở dưới hang.*  Sau đó Bồ-tát được giải thoát khỏi nỗi sợ chết, vui mừng tạ ơn vừa ngâm vần kệ cuối cùng, vừa ngậm đầy thịt trong mỏ và bay về đưa mồi cho cha mẹ.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, người thợ săn là Channa (Xa-nặc), cha mẹ ta là thân quyến trong hoàng gia và Thứu vương là Ta.*  -ooOoo-  **400. Chuyện Hoa Cỏ Kusa (Biệt hiệu của Chó rừng - Tiền thân Dabbhapuppha)**  **Này bạn A-nu, chạy tới ngay...,**  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Upananda, một người của bộ tộc Thích-ca (sakya).*  *Vị ấy xuất gia theo Giáo-pháp, nhưng lại từ bỏ các hạnh tri túc và những đức hạnh khác nên trở thành tham lam. Ðầu mùa mưa, ông đến ở thử hai ba tinh xá, để lại một cái dù hay chiếc hài ở một tinh xá, và một chiếc gậy hay bình nước ở một tinh xá khác, rồi chính ông đến an cư ở một tinh xá khác nữa. Ông bắt đầu trú mưa tại một tinh xá ở thôn quê và bảo:*  *- Chư Tỷ-kheo phải sống tri túc.*  *Rồi cố ra vẻ như đang làm cho mặt trăng xuất hiện trên trời, ông giải thích pháp môn đưa đến hạnh tri túc, tán thán đời sống tri túc với các nhu cầu tối thiểu. Nghe lời ông, Tăng chúng ném bỏ mọi y bát tốt đẹp, mang bát đất phấn tảo y (y bằng giẻ rách), ông liền đem các thứ kia về tư thất của mình. Khi mùa mưa và lễ Tự tứ (Pavàranà) đã xong, ông chất đầy một xe chở đến Kỳ Viên.*  *Trên đường đi, dừng lại phía sau một tinh xá trong rừng, ông lấy dây leo quấn hai chân và nói:*  *- Chắc chắn có thể kiếm được vài thứ ở đây.*  *Rồi ông đi vào tinh xá. Có hai Tỷ-kheo già đã an cư mùa mưa ở đó, họ kiếm được hai tấm y vải thô và một chiếc mền lông mịn, rồi chẳng biết phải chia chúng ra sao, họ hoan hỷ khi thấy ông đến, nghĩ thầm: "Trưởng lão này sẽ chia các vật dụng cho hai ta", liền nói:*  *- Này Hiền giả, chúng tôi không thể chia các y phục dùng cho mùa mưa này được, chúng tôi có bàn cãi về việc này, xin Hiền giả chia dùm chúng tôi.*  *Vị ấy bằng lòng, chia hai tấm y vải thô cho họ, còn ông lấy cái mền, và bảo họ:*  *- Vật này dành cho tôi là người biết Giới luật.*  *Rồi ông bỏ đi. Hai Trưởng lão này thích chiếc mền, liền cùng đi với ông đến Kỳ Viên và kể câu chuyện với chư Tăng hiểu biết luật, rồi hỏi:*  *- Có đúng là những vị biết Giới luật lại cướp bóc tài sản như vậy chăng?*  *Tăng chúng thấy đống y bát do Tỷ-kheo Upananda đem đến, liền hỏi:*  *- Này Hiền giả, Hiền giả thật có đại phước đức, Hiền giả đã tạo được nhiều thực phẩm và y phục thế kia!*  *Ông đáp:*  *- Này các Hiền giả, tôi có phước đức gì đâu? Tôi chỉ lấy được các thứ này theo cách như vầy như vầy.*  *Rồi ông đem mọi chuyện kể ra hết cho mọi người nghe.*  *Tại Chánh pháp đường, Tăng chúng nêu vấn đề thảo luận, bảo nhau:*  *- Này các Hiền giả, Tỷ-kheo Upananda thuộc bộ tộc Thích-ca, rất tham lam tài vật.*  *Bậc Ðạo Sư thấy đề tài của các vị, liền bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, hành vi của Upannanda không phù hợp để tinh tấn. Khi một Tỷ-kheo giảng giải hạnh tinh tấn cho người khác thì trước tiên thì tự mình phải cho phù hợp rồi mới giáo giới người khác.*  *Giữ mình đúng mực trước tiên, Rồi sau thuyết giảng, bậc hiền vị tha.*  *Bằng cách ngâm vần kệ Pháp cú này, Ngài giải bày Giáo pháp và nói:*  *- Này các Tỷ-kheo, không phải Upananda chỉ tham lam lần đầu, mà xưa kia kẻ ấy cũng đã cướp bóc tài vật của loài khác nữa.*  *Rồi ngài kể một chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa. khi vua Brahamdatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát làm một Thần cây bên bờ sông. Một con chó rừng tên Màyàvì, đã có vợ và sống một nơi gần bờ sông. Một ngày kia, vợ nó bảo chồng:  - Này chàng, thiếp có một niềm ao ước, thiếp muốn ăn cá hồng rohita tươi.  Chó rừng đáp:  - Cứ yên lòng, ta sẽ đem cá tươi về cho nàng.  Rồi nó ra phía con sông, quấn chân bằng dây leo đi dọc theo bờ. Lúc ấy có hai con rái cá tên Gambhìracàri và Anutìracàri đang đứng trên bờ rình bắt cá. Gambhìracàri chợt thấy một con cá hồng rohita lớn, liền nhảy xuống nước chụp lấy đuôi cá. Con cá quá mạnh vùng ra được lôi theo rái cá. Nó liền gọi bạn:  - Con cá này to lắm, vừa đủ cho hai ta.  Rồi nó ngâm vần kệ đầu:  *1. Này bạn A-nu, chạy tới ngay, Ta cầu khẩn bạn giúp ta đây, Ta vừa bắt cá này to lớn, Song nó kéo ta mạnh thế này!*  Nghe vầy, con kia ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Gam-bhi, bạn tốt số dường nào! Móng vuốt bạn cầm vững mạnh sao! Chẳng khác đại bàng câu rắn nước, Ta câu cá nọ nhấc lên cao!*  Sau đó cả hai rái cá kéo con cá hồng rohita đặt xuống đất và cắn nó chết xong, lại bảo nhau:  - Bạn chia cá ra nào.  Rồi chúng cãi nhau nhưng không chia cá được phải ngồi xuống, và để cá nằm đó. Lúc ấy chó rừng vừa bước tới chỗ ấy. Thấy chó, cả hai đều chào rất lễ phép và nói:  - Thưa Tôn ông có lông màu cỏ xám, con cá này do hai chúng tôi bắt được, rồi sinh chuyện cãi nhau vì chúng tôi không biết cách chia cá. Xin Tôn ông chia cá đều hai phần dùm cho.  Rồi chúng ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Một cuộc tranh giành giữa chúng tôi Tôn ông mang áo xám kia ôi! Xin ông ổn định dùm tranh chấp Cho thật công bằng giữa cả đôi.*  Chó rừng nghe vậy, liền tự xưng anh hùng qua vần kệ:  *4. Ta đã giải phân lắm cạnh tranh Làm xong sứ mạng thật hòa bình, Chư Tôn hãy để điều tranh chấp Tại hạ công bình ổn định nhanh.*  Ngâm vần kệ xong, chó chia cá và ngâm thêm vần kệ này:  *5. A-nu, hãy lãnh phần đuôi, Còn chú Gam-bhì, thủ cấp rồi, Phần giữa dành cho ta xử kiện, Trả công xứng đáng thế này thôi!*  Như vậy, sau khi chia cá xong, chó rừng bảo:  - Các ông ăn đầu đuôi cá chứ đừng cãi nhau nữa.  Rồi ngậm khúc giữa vào mồm, nó chạy bay trước mắt cặp rái cá. Chúng ngồi ủ rũ, như thể vừa mất cả ngàn đồng tiền, rồi ngâm vần kệ thứ sáu:  *6. Nếu không tranh cãi chuyện vừa rồi, Chắc chắn là vừa đủ cá thôi, Nay bị chó rừng mang hết thịt, Chỉ còn để lại khúc đầu đuôi!*  Chó rừng rất hài lòng, nghĩ thầm: "Nay ta đem cá hồng rohita về cho vợ ta", rồi nó đi tìm vợ. Chó cái thấy nó đến, liền đon đả chào mừng và ngâm vần kệ:  *7. Như vua mãn nguyện được cầm quyền Thâu gọn giang sơn trị nước yên, Mãn nguyện ta nhìn chàng trở lại, Ngậm đầy trong mỏ cá tươi nguyên!*  Rồi nó hỏi chó rừng cách nào kiếm được mồi ngon qua vần kệ:  *8. Chàng vốn sinh ra ở đất bằng, Làm sao bắt cá giữa dòng sông? Phu quân, chàng lập kỳ công ấy, Cho biết vì sao, thiếp ước mong.*  Chó rừng ngâm vần kệ giải thích phương cách ấy cho vợ nghe:  *9. Vì cạnh tranh nên chúng yếu dần, Cạnh tranh làm chúng phải suy tàn, Cạnh tranh, rái cá mất phần hưởng, Vì vậy Mà-yà được miếng ngon.*  \*  Và một vần kệ khác nữa xuất phát từ Trí tuệ Tối thắng của đức Phật:  *10. Cũng vậy, tranh giành giữa thế nhân, Tìm người xử kiện: nó chia phần, Gia tài của chúng suy tàn hết, Công khố nhà vua được thịnh hưng.*  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, chó rừng là Upananda, hai con rái cá là hai người kia, và Thần cây chứng kiến câu chuyện chính là Ta.*  -ooOoo-  **401. Chuyện Người Nuốt Lưỡi Kiếm (Tiền thân Dasanaka)**  ***Bảo kiếm Da-san thích máu hồng...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về âm mưu quyến rủ một Tỷ-kheo do người vợ cũ gây ra.*  *Tỷ-kheo ấy thú nhận đã thối thất vì lý do này. Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Nữ nhân ấy đã làm hại ông. Thời xưa ông cũng đã suýt chết vì tương tư kẻ ấy. Về sau nhờ các bậc trí ông được cứu sống lại.*  *Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa, khi Ðại vương Maddava trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con một gia đình Bà-la-môn. Cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài đi học mọi nghệ thuật tại Takkasilà, và khi về Ba-la-nại Ngài trở thành quốc sư của vua Maddava về thế sự cũng như thánh sự. Ngài được danh hiệu bậc Hiền trí Senaka và được cả kinh thành sùng kính như mặt trăng, mặt trời.  Thời ấy con trai của vị tế sư hoàng gia đến yết kiến vua, thấy bà chánh hậu trang điểm ngọc vàng cực kỳ diễm lệ, đâm ra si tình, khi về nhà chẳng chịu ăn uống gì cả, cứ nằm dài ra. Bạn hữu liền hỏi thăm và chàng trai kể hết mọi chuyện. Vua hỏi:  - Con trai của vị tế sư hoàng gia không đến, việc này là thế nào?  Khi nghe duyên cớ, vua cho gọi chàng trai vào và bảo:  - Trẫm trao hoàng hậu cho cậu trong bảy ngày, cứ ở nhà cậu bảy ngày ấy xong, qua ngày thứ tám, cậu trả lại nàng cho ta.  - Thế thì tốt lắm, tâu Ðại vương.  Chàng trai đáp rồi đem hoàng hậu về nhà thọ hưởng lạc thú với nàng. Hai người đâm ra say mê nhau, và bí mật trốn khỏi nhà chạy sang một xứ khác, không ai biết họ đi đâu và đường đi của họ chẳng khác nào đường của con tàu trên biển cả.  Vua truyền đánh trống thông báo khắp kinh thành, nhưng dù đã tìm mọi nơi, họ vẫn không thấy nàng đã đến đâu cả. Sau đó nỗi đau buồn khủng khiếp vì thiếu nàng xâm chiếm trọn tâm can vua. Tim ông bừng nóng rực và trào máu ra ngoài! Tiếp theo đó, máu từ ruột gan chảy ra khiến bệnh trầm trọng thêm. Các ngự y tài danh đều không thể chữa trị được đành bó tay.  Bồ-tát suy nghĩ: "Bệnh này không phải do nội thân vua, mà do vua mắc tương tư vì không thấy hoàng hậu. Ta thử dùng vài phương cách chữa trị xem sao. "Ngài liền gọi hai quốc sư hiền trí của vua là Àyura và Pukkusa vào bảo:  - Ðức vua không có bệnh gì, ngoại trừ tâm bệnh chỉ vì ngài không thấy hoàng hậu đó thôi. Giờ đây ngài là bậc cứu hộ cao cả đối với thần dân. Ta quyết tìm mọi cách trị bệnh ngài. Ta muốn triệu tập một đám quần chúng vào sân chầu và bảo một người biết xảo thuật nuốt lưỡi kiếm sắc biểu diễn việc này. Ta sẽ đưa Hoàng thượng ra cửa sổ nhìn xuống đám đông. Ngài sẽ nhìn người nuốt lưỡi kiếm và hỏi: "Có việc gì khó hơn thế chăng?". Lúc ấy, này Tôn giả Àyura, xin hãy đáp: "Nói: Ta sẽ từ bỏ vật này vật kia, còn khó hơn nữa". Sau đó ngài sẽ hỏi Tôn giả Pukkusa, và Tôn giả cần phải trả lời: Tâu Ðại vương, nếu một người nói: "Ta từ bỏ vật này vật kia", rồi lại không bỏ nó được, thì lời nói đó sẽ vô ích thôi. Không ai sống hay uống ăn bằng những lời như vậy, nhưng người nào hành động theo lời nói và đem cho một vật đúng theo lời hứa thì chính họ làm được một việc khó hơn việc kia nữa đấy". Sau đó ta sẽ tìm cách tiến hành mọi sự tiếp theo.  Thế là ngài bảo tập họp một đám đông. Rồi ba bậc trí nhân ấy vào trình vua:  - Tâu Ðại vương, có đám đông trong sân chầu. Nếu ai nhìn xuống đó đổi sầu làm vui. Vậy xin Ðại vương hãy cùng chúng thần đến đó xem sao.  Ba vị rước vua đến hé mở cửa sổ cho vua nhìn thấy đám đông. Nhiều người lần lượt biểu diễn các xảo thuật mà mình biết. Sau cùng có một người nuốt lưỡi kiếm sắc cạnh dài ba mươi ba phân (33 phân Anh: khoảng 80 cm).  Vua thấy vậy suy nghĩ: "Người này đang nuốt lưỡi kiếm, ta muốn hỏi các bậc trí nhân này xem có việc gì khó hơn không?"  Rồi vua ngâm vần kệ đầu hỏi Àyura:  *1. Bảo kiếm Da-san thích máu hồng, Cạnh đều sắc nhọn thật hoàn toàn, Giữa đông người, nó ăn thanh kiếm, Chẳng có việc nào khó nữa chăng? Ta hỏi có gì đem sánh được Nhờ khanh giải đáp, hởi hiền nhân. Àyura ngâm vần kệ thứ hai đáp lời:  2. Lòng tham dụ kẻ nuốt thanh gươm, Cho dẫu lưỡi gươm bén thập toàn, Song nói: "Ta cho, lòng tự nguyện" Là điều khó thực hiện vô cùng, Mọi điều gì khác đều không khó, Ðại đế Kiệt-đà, tôi giải phân.*  Khi vua nghe lời Àyura, ông liền suy nghĩ: "Thế thì bảo: "Ta cho vật này" còn khó hơn nuốt thanh kiếm. Vậy ta đã nói: "Ta ban hoàng hậu cho con trai tế sư", tức là ta đã làm một việc rất khó". Nhờ thế nỗi đau buồn trong tâm vua lắng dịu được một chút. Rồi suy nghĩ: "Có gì khó hơn nói: "Ta cho người khác vật này" chăng?", ông lại ngâm vần kệ thứ ba nói chuyện với Trí giả Pukkusa:  *3. Ày-ra đã giải đáp lời ta, Trí tuệ cao siêu quả thật là, Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé: Còn gì khó nữa hỡi, Pusk-sa, Nếu đem so sánh điều trên ấy, Hiền giả, xin mời giải đáp ta.*  Trí giả Pukkusa ngâm vần kệ thứ tư đáp lại:  *4. Người ta không sống được bằng lời, Lời nói thốt ra uổng phí thôi, Song nếu đem cho không tiếc nuối, Việc này còn khó bội hơn rồi. Mọi điều gì khác đều không khó, Ðại đế, đây lời đáp của tôi.*  Vua nghe vầy, suy nghĩ: "Trước tiên ta nói: "Ta sẽ đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư", rồi ta đã làm theo lời hứa và đem cho nàng. Hiển nhiên ta đã làm một việc rất khó". Do vậy, nỗi sầu của vua giảm bớt phần nào. Rồi ông chợt nghĩ: "Không có ai thông thái hơn Trí giả Senaka. Ta muốn hỏi vị ấy câu này".  Ông liền ngâm vần kệ thứ năm hỏi ngài:  *5. Puk-sa đã giải đáp lời ta, Trí tuệ cao siêu quả thật là. Ta hỏi giờ đây câu nữa nhé: Còn gì khó nữa, hỡi Sen-ka, Nếu đem so sánh điều trên ấy, Hiền giả xin mời giải đáp ta.*  Senaka ngâm vần kệ thứ sáu đáp lời vua:  *6. Nếu người có của đã đem cho Bất luận là gì, dẫu nhỏ to, Ðừng tiếc nuối sau khi bố thí, Việc này quả thật khó hơn mà, Mọi điều gì khác đều không khó, Xin đáp Ðại vương Ma-kiệt-đà.*  Vua nghe lời Bồ-tát, lại suy nghĩ: "Ta đã đem hoàng hậu ban cho con trai tế sư do ta tự nguyện, nay ta lại không kiềm nỗi ưu tư, ta sinh phiền não, héo mòn: thật không xứng đáng với ta. Nếu nàng thương yêu ta thì nàng đã không bỏ vương quốc mà chạy trốn như vậy. Ta còn phải liên hệ gì với nàng đã không yêu thương ta và bỏ trốn đi?".  Trong lúc vua suy nghĩ như vậy, mọi sầu não đều rơi rụng hết như giọt nước đổ trên lá sen, lập tức tâm vua được bình an. Ông hồi phục sức khỏe và an lạc ngâm vần kệ cuối cùng tán thán Bồ-tát:  *7. Ày-ra giải đáp lời ta, Thế rồi Hiền giả Puk-sa cũng vầy, Lời Sen-ka quả thật hay, Trong ba lời giải lời này tối ưu.*  Sau khi tán thán, vua hoan hỷ ban thưởng ngài nhiều vàng bạc châu báu.  \*  *Khi pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các sự thật. Khi các sự thật kết thúc, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, hoàng hậu là người vợ cũ, vua là là Tỷ-kheo thối thất, Àyura là Moggallàna, Pukkusa là Sàriputta và Hiền giả Senaka chính là Ta.*  -ooOoo-  **402. Chuyện Túi Da Đựng Bánh (Tiền thân Sattubhasta)**  ***Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự Viên mãn của Trí tuệ Tối thắng. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Mahà-Ummagga, số 546.*  \*  Ngày xưa có vị vua tên là Janaka trị vì ở Ba-la-nại. Thời ấy Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn, cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài theo học các nghệ thuật tại Takkasilà rồi trở về Ba-la-nại yết kiến vua. Vua phong cho ngài chức vụ đại thần và ban cho ngài đại vinh hiển.  Ngài dạy vua về thế sự lẫn thánh sự. Là người thuyết Pháp khả ái, ngài an trú vua vào Ngũ giới, bố thí và hành trì trai giới và Thập thiện đạo, như vậy tức là an trú vua vào chánh hạnh. Toàn quốc độ được ở cảnh như thời có chư Phật xuất hiện. Vào các ngày trai giới nửa tháng một lần, nhà vua, các phó vương, cận thần đều tụ tập và trang hoàng phòng họp.  Bồ-tát thuyết Pháp trong một giảng đường tôn nghiêm trên bảo tọa bọc da nai, với uy lực của một vị Phật, lời ngài dạy chẳng khác gì lời dạy của chư Phật.  Thời ấy có một Bà-la-môn già nua, xin tiền bố thí được một ngàn đồng, để dành trong một gia đình Bà-la-môn, rồi lại làm hành khất thêm nữa. Khi ông ra đi, gia đình nọ tiêu hết cả tiền. Sau đó ông trở lại đòi số tiền. Vì gia chủ không có tiền trả, nên gả con gái cho ông làm vợ. Vị Bà-la-môn già đem nàng về cư ngụ trong một làng Bà-la-môn không xa Ba-la-nại. Vì cô vợ còn trẻ nên không thỏa mãn- tham dục và phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ.  Ở đời có mười sáu việc không thể nào thỏa mãn. Ðó là mười sáu việc gì? - Biển không thỏa mãn với các dòng sông, lửa không thỏa mãn với nhiên liệu, vua không thỏa mãn với quốc độ, kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp, nữ nhân không thỏa mãn với ba việc ân ái, nữ trang và sinh con, Bà-la-môn không thỏa mãn với thánh kinh, bậc trí không thỏa mãn với Thiền định, bậc hữu học không thỏa mãn với danh vọng, người ly tham không thỏa mãn với khổ hạnh, người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực, người hay nói không thỏa mãn với chuyện trò, nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị, người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Giáo hội, người thích bố thí không thỏa mãn với việc bố thí, người đa văn không thỏa mãn với việc nghe Pháp, tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến đức Phật.  Vì thế nữ nhân Bà-la-môn này không thỏa mãn việc ân ái, muốn đẩy chồng đi xa và phạm tà dục một cách táo bạo. Một ngày kia, cô ả nằm dài theo gian kế đã dự trù. Khi ông chồng hỏi:  - Nàng ơi, nàng làm sao thế?  Cô ả đáp:  - Chàng Bà-la-môn ơi, thiếp không thể làm việc nhà chàng được nữa, phải kiếm một nữ tỳ.  - Nàng ơi, ta không có tiền, vậy ta sẽ lấy gì để mua nữ tỳ chứ?  - Chàng hãy làm hành khất kiếm tiền mà thuê nữ tỳ.  - Thế nàng hãy sắp đặt vài vật để ta lên đường.  Cô ả đặt vào túi da đủ các thứ bột bánh đã nướng và chưa nướng xong trao cho lão. Lão Bà-la-môn đi qua mọi thôn làng thành thị, kiếm được bảy trăm đồng, nghĩ thầm: "Số tiền này đủ để mua gia nô nữ tỳ rồi", lão liền trở về làng.  Ðến một địa điểm thuận tiện, để uống nước, lão mở túi xách ăn một ít bánh nướng, rồi đi uống nước mà không buộc miệng túi. Lúc ấy một con rắn hổ trong thân cây rỗng, ngửi mùi bánh bò vào túi nằm cuộn tròn ăn bánh. Lão trở lại, không nhìn vào túi, cứ buộc túi lại và vác lên vai ra đi.  Lúc ấy một vị Thần cây ngồi trên bộng thân cây ấy đến bảo cho lão biết trên đường đi:  - Này Bà-la-môn, nếu lão dừng lại trên đường, lão sẽ chết; còn nếu lão về nhà thì vợ lão sẽ chết đấy.  Xong vị thần biến mất. Lão nhìn quanh, không thấy vị thần nên lòng kinh hoảng vì sợ chết, vừa đi đến cổng thành Ba-la-nại vừa khóc than.  Hôm ấy vào ngày rằm trai giới, ngày Bồ-tát thuyết Pháp, đang ngồi trên bảo tọa trang nghiêm và một đám đông đem hương hoa đủ loại đến từng đoàn nghe thuyết Pháp. Lão Bà-la-môn hỏi:  - Các người đi đâu thế?  Họ đáp:  - Này lão Bà-la-môn, hôm nay bậc Trí giả Senaka thuyết Pháp với giọng êm dịu và oai lực của một vị Phật. Lão không biết ư?  Lão suy nghĩ: "Họ bảo ngài là một bậc thuyết Pháp hiền trí, còn ta đang lo âu sợ chết, các bậc trí có khả năng diệt trừ các đại phiền não, vậy ta nên đến đó nghe Pháp".  Vì thế lão cùng đi với họ; khi quần chúng và vua đã ngồi chung quanh Bồ-tát, lão đứng bên ngoài, không xa pháp tọa, với túi thức ăn trên vai và lòng sợ chết. Bồ-tát thuyết giảng chẳng khác nào ngài đang đưa cả dải thiên hà xuống trần giới hay đổ trận mưa đầy thực phẩm thiên giới cho đời.  Quần chúng vô cùng hoan hỷ tán thưởng, lắng tai nghe Pháp. Các bậc trí thường nhìn xa thấy rộng. Vào lúc ấy Bồ-tát mở đôi mắt có đủ năm vẻ đẹp nhìn khắp Hội chúng, thấy vị Bà-la-môn, liền nghĩ: "Cả Hội chúng đông đảo này tràn ngập hân hoan nghe Pháp và tán thưởng, chỉ trừ một Bà-la-môn ủ rũ khóc lóc. Chắc hẳn phải có nỗi sầu tư nào trong lòng khiến lão tuôn lệ. Cũng giống như tẩy rỉ sét với chất chua, hay làm một giọt nước rơi khỏi lá sen, ta sẽ thuyết Pháp cho lão giải sầu và an vui tâm trí". Vì thế ngài gọi lão:  - Này lão Bà-la-môn, ta là trí giả Senaka, nay ta muốn giải mối sầu cho lão, hãy bạo dạn nói ra đi.  Ngài ngâm vần kệ đầu hỏi lão:  *1. Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền, Nước mắt chảy là cớ hiển nhiên, Lão mất gì, vào đây muốn kiếm Thứ gì? Hãy nói rõ ngay liền.*  Sau đó, Bà-la-môn ngâm vần kệ bày tỏ duyên cớ nỗi sầu:  *2. Vợ chết, nếu tôi trở lại nhà, Còn không, tôi sẽ hóa ra ma, Ðiều này làm trái tim đau nhói, Xin giải vấn đề, hỡi Sen-ka.*  Nghe vị Bà-la-môn nói, Bồ-tát bủa giăng tấm lưới tri kiến như ném lưới vào biển cả, và suy nghĩ: "Có nhiều nguyên nhân gây tử vong ở đời này: một số chết chìm ngoài biển, hoặc bị loài cá dữ ăn thịt, một số rơi xuống sông Hằng, hay bị cá sấu vồ, một số khác rơi từ cây xuống hay bị gai nhọn đâm, một số bị khí giới loại đánh vào người, một số khác ăn nhằm chất độc, bị treo cổ hay rớt xuống vực sâu, chết cóng vì giá buốt, hay các loại bệnh tấn công. Nay giữa mọi duyên cớ ấy, lão Bà-la-môn này phải chết vì cớ nào nếu lão ở nán lại trên đường đi hôm nay, hoặc vợ lão phải chết nếu lão về nhà?".  Trong lúc suy xét, ngài thấy cái túi trên vai lão và nghĩ: "Chắc hẳn có con rắn chui vào túi, có lẽ vì nó đã nghe mùi bánh khi lão ăn sáng và đi uống nước mà quên buộc miệng túi xách. Sau khi uống nước xong, lão Bà-la-môn trở lại và có lẽ đã tiếp tục lên đường sau khi buộc túi và cầm túi lên mà không thấy con rắn bò vào. Nếu lão ở nán lại trên đường, đến tối lão sẽ tự nhủ lúc dừng chân: "Ta muốn ăn bánh". Rồi mở túi ra, lão sẽ đặt tay vào, con rắn sẽ cắn tay lão gây tử vong. Ðây chính là nguyên nhân lão sẽ chết nếu ở lại trên đường. Nhưng nếu lão về nhà, túi ấy sẽ đến tay vợ lão, bà ta sẽ nói: "Ta muốn xem đồ đạc bên trong", rồi bà ta mở túi ra và đặt tay vào, con rắn sẽ cắn bà ta bỏ mạng. Ðây chính là nguyên nhân vợ lão chết nếu lão về nhà hôm nay". Ngài biết được điều này do trí của ngài tinh xảo về mọi phương tiện.  Lúc ấy ngài lại suy nghĩ: "Ðây chắc hẳn là con rắn hổ đen, táo bạo, không hề biết sợ, nên khi cái túi da đập vào sườn lão Bà-la-môn, nó chẳng nhúc nhích hay run rẩy gì cả. Nó cũng không tỏ dấu hiệu là nó đang có mặt tại Hội chúng đông đảo này, do đó nó phải là con rắn hổ đen bạo dạn, không biết sợ".  Từ tri kiến tinh xảo các phương tiện, ngài biết điều này như thể ngài chứng kiến với thiên nhãn. Như vậy Ngài chẳng khác nào một người đứng gần đó nhìn con rắn bò vào túi, rồi quyết định sự việc bằng trí kiến tinh xảo của ngài. Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp câu hỏi của vị Bà-la-môn ngay giữa hội chúng triều đình:  *3. Suy xét mọi nghi hoặc trước tiên, Nay ta tuyên bố sự đương nhiên: La-môn, trong túi đồ ăn ấy Ðã lẻn chui vào rắn hổ đen!*  Nói vậy xong, Ngài hỏi:  - Này lão Bà-la-môn, có thứ bánh nào trong túi xách của lão chăng?  - Thưa Trí giả, có.  - Thế lão có ăn bánh lúc điểm tâm sáng nay chăng?  - Thưa Trí giả, có.  - Thế lão đã ngồi đâu?  - Ở trong rừng, dưới một gốc cây.  - Thế khi lão ăn bánh xong và đi uống nước, lão có buộc miệng túi lại hay không?  - Thưa Trí giả, tôi không buộc.  - Khi lão đã uống nước và trở về, lão có buộc miệng túi sau khi nhìn vào trong không?  - Thưa Trí giả, tôi buộc miệng túi mà không nhìn vào trong.  - Này lão Bà-la-môn, khi lão đi uống nước, ta chắc là con rắn đã lẻn vào túi do ngửi mùi bánh mà lão không biết: đấy là trường hợp này. Vậy lão mau đặt túi xuống, để ngay giữa Hội chúng và mở miệng túi ra. Lấy gậy đập vào túi, rồi lão sẽ thấy con rắn hổ đen bò ra với chiếc mào giương rộng và rít lên. Lão sẽ hết hồ nghi. Ngài lại ngâm vần kệ thứ tư:  *4. Cầm gậy đập lên chiếc túi dày, Im hơi, hai lưỡi chính con này, Trí ông hết rối vì nghi hoặc, Mở túi, rồi ông thấy rắn ngay!*  Vị Bà-la-môn làm theo lời Bồ-tát bảo, mặc dù lão hết sức kinh hoàng chấn động. Con rắn bò ra khỏi túi khi đầu nó bị chiếc gậy đánh trúng, và nó dừng lại nhìn mọi người.  \*  Bậc Ðạo Sư ngâm vần kệ thứ năm giải thích vấn đề:  *5. Kinh hãi, lão ra giữa đám đông, Mở dây chiếc túi đựng đồ ăn, Một con rắn hổ bò hung dữ, Kiêu hãnh giương cao cả chiếc mồng!*  Khi con rắn bò ra với chiếc mồng giương cao, đó là điềm báo hiệu Bồ-tát sẽ là vị Phật Chánh Ðẳng Giác. Ðám đông bắt đầu vẫy khăn và búng tay hàng ngàn người, bảy báu vật được ném tung ra như thể mưa rào, hàng ngàn tiếng hô: "Tốt lành thay!" vang dậy, ồn ào như đất lỡ.  Lời giải đáp một câu hỏi như vậy do uy lực của một bậc Giác Ngộ chứ không phải nhờ nguồn gốc sinh trưởng, cũng không phải uy lực của người giàu sang danh vọng. Vậy đó là uy lực gì?- Chính là uy lực của tri kiến. Người có tri kiến làm trí tuệ tăng trưởng, mở rộng cánh cửa đi vào các Thánh đạo, chứng đắc Niết-bàn bất tử tối thượng và thành tựu viên mãn các quả vị Thanh văn, Ðộc giác và Chánh Ðẳng Giác: Tri kiến là điều tối thắng giữa các đức tính đưa đến Niết-bàn bất tử tối thượng. Mọi thành phần khác đều là phụ thuộc.  Do vậy có câu tục ngữ:  *6. Người thiện bảo tri kiến tối ưu Như trăng đi giữa các vì sao, Tiền tài, đức hạnh, lòng công chánh, Là các nô tỳ bậc trí cao.*  \*  Khi câu hỏi đã được Bồ-tát giải đáp xong, một người nhử rắn làm một chiếc khăn bịt miệng rắn rồi đến chụp lấy nó và đem thả vào rừng.  Vị Bà-la-môn đi đến yết kiến vua, kính chào xong, lại ngâm nửa vần kệ tán tụng vua:  *7. Chúa thượng Jan-ka, lợi lạc thay, Ðại vương có bậc trí nhân này.*  Sau khi ca tụng vua, lão cầm bảy trăm đồng tiền trong túi ra, vừa tán thán Bồ-tát, vừa ngâm một vần kệ rưởi bày tỏ ước muốn bố thí trong niềm hoan hỷ:  *Trí ngài đáng sợ, hồ nghi biến, Trước mắt ngài nhìn thấu suốt ngay.*  *8. Này đây có cả bảy trăm đồng, Xin nhận lấy ngay vật hiến dâng, Vì chính nhờ ngài, tôi được sống Cùng nguồn an lạc của thân nhân.*  Nghe vầy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ chín:  *9. Bậc trí không dùng vật cúng dâng Chỉ vì các khúc kệ ca ngâm, Tốt hơn, ta tặng luôn tiền ấy Trước lúc lão về lại cố hương.*  Nói vậy xong, Bồ-tát đưa trọn số tiền trả lại vị Bà-la-môn và hỏi:  - Ai bảo lão đi kiếm số tiền này?  - Thưa Trí giả, chính tiện nội.  - Thế hiền nội già hay trẻ?  - Thưa Trí giả, tiện nội còn trẻ.  - Thế thì cô ả đang phạm tà hạnh với kẻ khác, nên đã bảo lão đi xa vì nghĩ cần phải hành động như thế cho an toàn. Nếu lão đem số tiền này về nhà, cô ả sẽ đem cho tình nhân số tiền do lão khổ công kiếm được. Vậy lão không nên về nhà ngay, mà phải để số tiền ngoài thành phố, dưới gốc cây đâu đó.  Nói xong ngài bảo lão ra đi.  Khi lão đến gần làng, lão chôn tiền vào một gốc cây, và về đến nhà lúc chiều tối. Lúc ấy vợ lão đang ngồi với tình nhân. Vị Bà-la-môn đứng ở cửa gọi to:  - Nàng ôi!.  Cô ả nhận ra tiếng lão, vội tắt đèn và ra mở cửa. Khi lão đã vào trong, cô ả dẫn kẻ kia ra cửa, rồi trở vào nhà, chẳng thấy món gì trong túi, liền hỏi:  - Này chàng Bà-la-môn, chàng kiếm được của bố thí gì trên đường đi thế?  - Một ngàn đồng tiền.  - Thế tiền đâu rồi?  - Nó được chôn ở chốn nọ, nhưng đừng lo, ngày mai ta sẽ đi lấy nó.  Cô ả liền đi báo cho tình nhân biết. Hắn đến đó lấy tiền ngay như thể tài sản của hắn vậy. Hôm sau, vị Bà-la-môn đến nhưng không thấy tiền đâu, liền đi tìm Bồ-tát, ngài hỏi:  - Này lão Bà-la-môn, có việc gì thế?  - Thưa Trí giả, tôi không thấy tiền đâu cả.  - Thế lão có nói cho vợ biết chăng?  - Thưa Trí giả, có.  Biết là cô vợ đã báo cho tình nhân rõ, Bồ-tát bảo:  - Này lão Bà-la-môn, thế có vị Bà-la-môn nào là bạn của vợ lão không?  - Thưa Trí giả, có.  Lúc ấy bậc Ðại Sĩ truyền người đem đến một số tiền đủ chi phí trong bảy ngày để cho lão và dặn:  - Hãy ra về, và hai vợ chồng lão hãy đãi tiệc mời mười bốn vị Bà-la-môn đầu tiên, gồm bảy người bạn lão và bảy người bạn của vợ lão. Rồi từ đó về sau cứ mỗi ngày bớt một vị khách cho đến ngày thứ bảy, lão chỉ mời một Bà-la-môn và vợ lão mời một. Khi ấy nếu lão thấy vị Bà-la-môn được vợ lão mời vào ngày thứ bảy ấy đã đến các lần trước, thì hãy báo cho ta.  Lão Bà-la-môn làm theo lời ngài, rồi đến trình Bồ-tát:  - Thưa Trí giả, tôi đã nhận thấy vị Bà-la-môn luôn luôn đến làm thực khách của nhà tôi.  Bồ-tát sai người đi theo lão, đem vị Bà-la-môn ấy đến và hỏi:  - Có phải anh lấy một ngàn đồng tiền của lão này dấu ở dưới gốc cây nọ chăng?  - Thưa Trí giả, tôi không lấy.  - Thế anh biết ta là Trí giả Senaka ư? Ta muốn bảo anh đem số tiền ấy về đây.  Hắn sợ hãi thú nhận:  - Tôi đã lấy số tiền ấy.  - Thế anh đã làm gì?  - Thưa Trí giả, tôi cất ở chỗ nọ.  Bồ-tát lại hỏi vị Bà-la-môn già kia:  - Này lão Bà-la-môn, lão muốn giữ vợ lại hay lấy vợ khác?  - Thưa Trí giả, cho lão được phép giữ vợ lại.  Bồ-tát sai người đi lấy số tiền và đem cô vợ lão đến, trao số tiền từ tay kẻ trộm ấy lại cho lão Bà-la-môn, rồi ngài trừng phạt kẻ trộm, đuổi hắn ra khỏi tỉnh và trừng phạt luôn cô vợ. Về sau ngài ban lão Bà-la-môn đại vinh dự bằng cách cho phép lão sống ở gần ngài.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo đạt Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy vị Bà-la-môn là Ànanda, vị Thần cây là Sàriputta, hội chúng là Tăng chúng của đức Phật và Trí giả Senaka chính là Ta.*  -ooOoo-  **403. Chuyện Trí Giả Atthisena (Tiền thân Atthisena)**  ***At-thi, lắm kẻ đến mong cầu...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại đền Aggàlava gần Àlavi, về các điều lệ xây tịnh thất.*  *Hoàn cảnh đã được nêu trong tiền thân Manikantha số 253. Bậc Ðạo Sư bảo Tăng chúng:*  *- Này các Tỷ-kheo, ngày xưa trước khi đức Phật ra đời, các ẩn sĩ ngoại đạo dù được vua ban đặc ân, cũng không bao giờ cầu xin điều gì cả, vì thấy rằng cầu xin kẻ khác không đem lại an lạc thư thái.*  *Nói vậy xong Ngài kể câu chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa, khi vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Nam tử Atthisena. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilà, và về sau, nhận thấy nỗi đau khổ của tham dục, ngài xuất gia tu tập và thành đạt các Thắng trí cùng các Thiền chứng, ngài sống ở vùng Tuyết Sơn. Sau đó xuống vùng dân cư tìm muối và dấm, ngài đến Ba-la-nại. Sau khi ở trong một lâm viên, hôm sau ngài đi khất thực tại cung đình.  Vua hài lòng trước phong cách oai nghi của ngài, liền cho người mời ngài vào, đặt ngài ngồi lên sàng tọa trên sân thượng và cúng dường thực phẩm. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, vua rất hân hoan, và nhận được lời ngài hứa hẹn cư ngụ trong ngự viên, vua đến tham kiến Bồ-tát mỗi ngày hai ba lần. Một hôm vua hoan hỷ nghe ngài thuyết Pháp xong, liền ban cho ngài một điều ước:  - Xin ngài hãy nói cho trẫm biết bất cứ điều gì ngài ước nguyện, từ quốc độ của trẫm trở xuống.  Bồ-tát không đáp: "Hãy cho ta vật này vật nọ", nhiều kẻ khác đòi hỏi những vật nào họ mong ước, thường bảo: "Cho tôi vật này", và vua ban vật đó, nếu không ham thích nó nữa.  Một hôm vua suy nghĩ: "Nhiều người mong cầu đặc ân hoặc các khất sĩ thường xin ta vật này vật nọ, nhưng Hiền giả Atthisena cao quý này, từ khi ta ban điều ước, vẫn không xin gì cả. Ngài thật là bậc có trí tuệ và thiện xảo các phương tiện. Ta muốn hỏi ngài".  Thế rồi, một hôm sau buổi điểm tâm, nhà vua ngồi một bên, hỏi ngài lý do vì sao nhiều người khác cầu xin ân huệ còn ngài thì không, và vua ngâm vần kệ đầu:  *1. At-thi, lắm kẻ đến mong cầu, Cho dẫu họ xa lạ biết bao, Lũ lượt xin ta ban thỉnh nguyện, Còn ngài, không ước vọng, vì sao?*  Nghe vầy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Hai kẻ cầu ân, hoặc chối từ, Thảy đều không đẹp ý bao giờ, Ðấy là duyên cớ, xin đừng giận, Khiến tiểu thần không thỉnh nguyện vua.*  Nghe lời ngài, vua ngâm tiếp ba vần kệ nữa:  *3. Người nào kiếm sống khẩn cầu hoài, Chẳng đến cầu ân lúc hợp thời, Làm kẻ khác suy tàn đức độ, Chính mình chẳng có kế sinh nhai.  4. Người nào kiếm sống, khẩn cầu hoài, Thường đến cầu ân lúc hợp thời, Làm kẻ khác tăng dần đức độ, Chính mình cũng được kế sinh nhai.  5. Bậc có trí không thấy hận sân, Khi người lũ lượt đến cầu ân, Nói đi, Thánh giả là thân hữu, Ðiều ước ngài không thể lỗi lầm.*  Như vậy, dù được ban tặng cả vương quốc, Bồ-tát cũng không cầu mong gì. Khi nguyện vọng của nhà vua đã được phát biểu như vậy, Bồ-tát liền bày tỏ đường lối của ẩn sĩ:  - Thưa Ðại vương, người thế tục và gia chủ thường thích thỉnh nguyện, chứ không phải người xuất thế, vì từ khi phát nguyện xuất gia, ẩn sĩ phải sống đời thanh tịnh khác với gia chủ. Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nếp sống ẩn sĩ:  *6. Bậc trí không hề thỉnh nguyện đâu, Thế nhân phải biết rõ như sau: Trí nhân thỉnh nguyện ngồi im lặng, Như thế là người trí thỉnh cầu.*  Vua nghe lời Bồ-tát liền nói:  - Bạch Tôn giả, nếu một người phục vụ có trí tự nguyện cống hiến thân hữu mình những gì cần được cống hiến, thì trẫm xin tặng Tôn giả những vật như vầy:  *7. Ngàn bò trẫm tặng Bà-la-môn, Bó đỏ, thêm người hướng dẫn đường, Nghe các nghiệp ngài đầy thánh thiện, Trẫm nay phát khởi nghiệp hiền lương.*  Khi vua nói vậy, Bồ-tát từ chối, bảo:  - Thưa Ðại vương, ta đã sống đời tu tập xa lìa cấu uế, ta không cần đàn bò.  Vua tuân thủ lời khuyến giáo của ngài, chuyên tâm bố thí và làm nhiều thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.  Còn Bồ-tát không hề gián đoạn Thiền định, nên tái sinh lên cõi Phạm thiên.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy, vua là Ánanda và Atthisena chính là Ta.*  -ooOoo-  **404. Chuyện Hầu Vương (Tiền thân Kapi)**  ***Người trí không nên ở chốn nào...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Ðề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.*  *Thấy Tăng chúng đang bàn luận việc này tại Chánh pháp đường. Ngài bảo:*  *- Ðây không phải lần đầu Devadatta và hội chúng của kẻ ấy bị tiêu diệt, mà xưa kia cũng vậy.*  *Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa khi vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập thai vào loài khỉ sống trong ngự viên cùng cả đàn tùy tùng năm trăm con khỉ. Devadatta cũng được sinh làm khỉ, cùng sống tại đó với một bầy năm trăm khỉ khác.  Một hôm vị tế sư của nhà vua đi ra vườn tắm rửa, trang hoàng thân thể xong, một con khỉ tinh nghịch leo lên ngồi trên cổng vòng cung của ngự viên, thả cục phân rơi trên đầu vị ấy lúc ông đi qua cổng. Khi tế sư nhìn lên, nó lại thả thêm một cục phân vào miệng ông. Vị tế sư quay lại, hăm dọa bầy khỉ:  - Ðược lắm, ta sẽ biết cách trừng trị bây.  Rồi ông lại tắm rửa và ra về.  Bầy khỉ trình lại với Bồ-tát rằng vị tế sư giận và hăm dọa chúng như vậy.  Ngài thông báo cho cả bầy ngàn con khỉ:  - Ở gần nơi cư trú của kẻ sân hận là không an toàn, vậy cả đàn khỉ nên chạy trốn đi nơi khác.  Một con khỉ không vâng lệnh, giữ bầy khỉ của nó lại, không chạy trốn và bảo:  - Ta sẽ xét lại việc ấy sau.  Bồ-tát đem bầy khỉ đi vào rừng.  Một hôm, có một nữ tỳ giã gạo và phơi nắng một ít gạo, một con dê đến ăn gạo đã bị một cây đuốc đập vào mình, nó chạy trốn, mình cháy đỏ rực, vội chà mình vào vách lều cỏ gần chuồng voi. Ngọn lửa bắt vào lều cỏ lan qua chuồng voi, làm các lưng voi bị phỏng, các thú y được mời đến chăm sóc bầy voi.  Vị tế sư hoàng gia vẫn luôn tìm cơ hội bắt bầy khỉ. Lúc vị tế sư đang ngồi chầu nhà vua, nhà vua bảo:  - Này tế sư, nhiều con voi của ta bị thương và các thú y chuyên về voi lại không biết cách chữa trị, vậy khanh có biết chữa không?  - Tâu Ðại vương, thần biết.  - Cách gì thế?  - Tâu Ðại vương, mỡ khỉ.  - Làm sao có được thứ ấy?  - Có rất nhiều khỉ trong ngự viên.  Vua phán:  - Giết bầy khỉ để lấy mỡ.  Các xạ thủ đem cung tên đi giết cả năm trăm con khỉ. Một con khỉ già trốn thoát được dù nó bị thương do mũi tên, và chưa ngã ngay tại chỗ, nó chỉ ngã xuống khi đến nơi ở của Bồ-tát. Bầy khỉ bảo nhau:  - Nó đã chết khi vừa đến chỗ ở của ta.  Và chúng kể lại với Bồ-tát rằng con khỉ kia chết do vết thương ấy. Ngài bước ra ngồi giữa bầy khỉ, ngâm các vần kệ này để khuyến giáo chúng với lời khuyên của bậc trí, đó là: "Người nào ở gần kẻ thù đều phải chết như vậy".  *1. Người trí không nên ở chốn nào Cừu nhân cư trú, dẫu dài lâu, Hay chỉ một, hai đêm cũng vậy, Ðến gần sẽ gặp nỗi sầu đau.  2. Kẻ ngu là địch thủ cho ai Vẫn trót tin lời nó nói sai: Con khỉ ngu si đem đại họa Cho bầy của nó thế mà thôi.  3. Một kẻ ngu si đứng trưởng đoàn, Vì kiêu căng muốn tỏ khôn ngoan, Sẽ không khác khỉ này gây họa, Mãi mãi đưa đường đến bại vong.  4. Kẻ mạnh ngu si chẳng tốt lành, Lãnh phần bảo vệ cả đàn mình, Nó là tai họa cho đồng loại, Chẳng khác chim mồi đáng hãi kinh.  5. Trưởng đoàn hùng dũng trí khôn ngoan Làm tốt để canh giữ cả đoàn, Chẳng khác Ind-ra bên Hội chúng, Là phần thưởng của các thân bằng.  6. Người nào đủ giới hạnh hoàn toàn, Trí tuệ tinh thông, học tập luôn, Hành động người này đem phước lạc Cho mình cùng với các tha nhân.  7. Vậy thì giới hạnh lẫn đa văn, Tri kiến học hành, luyện bản thân, Như thể vị hiền nhân độc trú, Hoặc lo bảo vệ đám thân bằng.*  Như vậy Bồ-tát trở thành Hầu vương, và giảng giải đường lối học tập Giới luật.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư nhận diện tiền thân:*  *- Thời ấy con khỉ không tuân lệnh là Devadatta, bầy khỉ của nó là Hội chúng của Devadatta, và Hầu vương có trí là Ta.*  -ooOoo-  **405. Chuyện Phạm Thiên Baka (Tiền thân Bakabrahma)**  ***Chúng tôi tất cả bảy mươi hai...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này khi trú tại Kỳ Viên về Phạm thiên Baka.*  *Một tà kiến sinh khởi trong tâm vị Phạm thiên này, đó là: "Cõi sinh hữu này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, bất biến; ngoài nơi này ra không có sự cứu độ hay giải thoát gì nữa...".*  *Trong một đời trước, vị Phạm thiên này đã thực hành Thiền định, vì thế được tái sinh vào cõi trời Quảng Quả (Vehapphala). Sau khi đã trải qua đời sống ở đó trong năm trăm kiếp (Kappa), vị ấy tái sinh vào cõi trời Biến Tịnh (Subhakinna). Sau khi đã trải qua sáu mươi bốn kiếp tại đó, vị ấy mạng chung và tái sinh vào cõi trời Quang Âm (Àbhassara), nơi đời sống kéo dài trong tám kiếp. Và chính tại đó, tà kiến này khởi lên trong tâm vị ấy.*  *Vị Phạm thiên này quên rằng mình đã từng sống ở các cõi Phạm thiên giới cao hơn và đã tái sinh vào cảnh giới này. Do nhận thức các điều trên, vị ấy chấp thủ tà kiến. Bậc Ðạo Sư thấu hiểu các tư tưởng của vị ấy và thật dễ dàng như một lực sĩ duỗi cánh tay cho thẳng ra hay cong cánh tay trở lại, Ngài biến mất ở Kỳ Viên và xuất hiện ở Phạm thiên giới ấy. Vị Phạm thiên thấy ngài liền thưa:*  *- Thiện lai Thế Tôn, xin Thế Tôn đến đây. Bạch Thế Tôn, thế giới này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, tuyệt đối, bất biến; thế giới này không sinh, không già, không chết, không biến hoại, không tái sinh. Ngoài thế giới này, không có sự cứu độ nào cao hơn nữa.*  *Khi lời này được vị Phạm thiên Baka nói ra, Thế Tôn bảo:*  *- Phạm thiên Baka đã si mê, đã lầm lạc khi nói rằng một vật không thường hằng là thường hằng, một vật không vĩnh cửu là vĩnh cửu, cùng những điều tương tự, như ngoài thế giới này không có sự cứu độ nào cao hơn nữa trong khi vẫn có sự cứu độ khác.*  *Nghe lời này, vị Phạm thiên suy nghĩ: "Thế Tôn đang khuyến giáo ta khi nhận ra chính xác những lời ta nói".*  *Rồi như một kẻ trộm rụt rè sau khi bị đấm vài cái, vị ấy đáp:*  *- Ðệ tử đâu phải là tên trộm duy nhất? Còn nhiều vị này vị nọ cũng đều là các tên trộm khác nữa.*  *Rồi vị ấy nêu tên các vị Thiên cùng một hội chúng; như vậy vị Phạm thiên lo sợ đức Phật chất vấn, nên đã ngâm vần kệ đầu tiên nói lên các vị Thiên cùng hội chúng của mình:*  *1. Chúng tôi tất cả bảy mươi hai, Chân chánh và cao cả tuyệt vời, Sanh, lão chúng tôi đà giải thoát, Cõi này là trí tuệ nhà trời, Không Thiên giới khác cao hơn nữa, Nhiều kẻ tán đồng quan điểm tôi.*  *Nghe lời này, Bậc Ðạo Sư ngâm vần kệ thứ hai:*  *2. Ðời ngài ngắn ngủi ở thiên đàng, Tưởng đời trường thọ quả sai lầm, Một trăm ngàn kiếp trôi qua mất, Ta biết đời ngài quá rõ ràng.*  *Nghe vầy, Baka ngâm vần kệ thứ ba:*  *3. Thế Tôn, trí tuệ tử vô cùng, Sanh, lão, sầu nằm ở dưới chân: Xưa đã tạo nên bao thiện nghiệp, Thế Tôn cho đệ tử hay chăng?*  *Sau đó đức Thế Tôn ngâm bốn vần kệ kể cho vị ấy nghe những chuyện quá khứ:*  *4. Xưa lấy nước ban phát những người Lúc đang cơn khát sắp tàn hơi, Dưới trời hạn hán như thiêu đốt, Thiện nghiệp ngài qua đã mấy đời, Ta biết là ta đều nhớ rõ, Như vừa tỉnh giấc mộng mà thôi.  5. Sông E-ni, thuở nọ bên bờ, Ngài thả nhiều người được tự do, Trong lúc bị giam cầm chặt chẽ, Việc lành ngài tạo dẫu xa xưa, Song ta biết rõ ta còn nhớ Như thể mới vừa tỉnh giấc mơ.  6. Ngày xưa trên bến nước sông Hằng, Ngài cứu thuyền người nọ thoát thân, Khi bị ác xà kia chụp lấy Vì thèm thịt sống, khỏi tai ương, Việc lành ngài tạo dầu xa lắc, Ta nhớ rõ như tỉnh giấc nồng.  7. Ta chính Kap-pa, đệ tử ngài, Trí đức ngài, ta biết rõ mười, Thiện nghiệp ngài làm, ta nhớ kỹ. Như là mới tỉnh giấc mơ thôi.*  *Khi nghe các nghiệp quá khứ của mình do Bậc Ðạo Sư thuyết giảng, Baka cảm tạ và ngâm vần kệ cuối cùng:*  *8. Thế Tôn biết mọi kiếp xưa xa, Tuệ giác toàn tri quả Phật-đà, Uy lực hào quang vinh hiển thực, Sáng ngời khắp cõi Phạm thiên ta.*  \*  *Như vậy Bậc Ðạo Sư vừa tỏ bày uy lực của một đức Phật, vừa thuyết Pháp khai thị các Sự thật. Lúc kết thúc Pháp thoại, tâm của mười ngàn vị Phạm thiên được giải thoát khỏi các ô nhiễm cấu uế. Do đó, đức Thế Tôn trở thành nơi an trú của các vị Phạm thiên, rồi trở về Kỳ Viên từ cõi Phạm thiên, Ngài thuyết Pháp như trên và nhận diện Tiền thân:*  *- Thời ấy Phạm thiên Baka là nhà khổ hạnh Kesava và đệ tử Kappa chính là Ta.*  -ooOoo-  **406. Chuyện Quốc Vương Gandhàra (Tiền thân Gandhàra)**  ***Làng phố, vũ công mười sáu ngàn...,***  *Bậc Ðạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên hệ giới điều về việc "tích trữ dược liệu". Tuy nhiên, hoàn cảnh chuyện này đã xảy ra ở Vương Xá.*  *Khi Tỷ-kheo Pilindiyavaccha đến cung vua để giải thoát gia đình người giữ ngự viên, ông dùng thần thông lực biến cung vua thành tòa nhà bằng vàng, quần chúng hoan hỷ đến tặng ông năm thứ dược liệu. Ông đem phân phát khắp Tăng chúng. Do đó Tăng chúng có nhiều dược liệu và khi nhận được các dược liệu, họ chứa đầy các chai, hủ, bình, túi... và cất để dành. Dân chúng thấy vậy thì thầm bảo nhau: "Các Tỷ-kheo tham lam kia đang tích trữ đồ đạc trong tinh xá".*  *Bậc Ðạo Sư nghe vậy liền công bố giới điều:*  *- Bất cứ dược liệu trị bệnh nào khi nhận được, phải được dùng trong vòng bảy ngày.*  *Và bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, các bậc trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời, dẫu xuất gia theo ngoại đạo và chỉ giữ Ngũ giới, cũng đã khiển trách những ai tích trữ muối và đường cho ngày hôm sau; còn các ông ngày nay dẫu đã được xuất gia theo Giáo pháp giải thoát, lại tích trữ đồ đạc đến hai ba ngày ư?*  *Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa Bồ-tát là vương tử của xứ Gandhàra. Khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua trị nước chân chánh. Ðồng thời ở vùng Trung thổ, tại vương quốc Videha, có vị vua mệnh danh Videha cai trị. Hai quốc vương này chưa hề gặp nhau, nhưng lại là thân hữu và tin cậy lẫn nhau.  Thời ấy, loài người trường thọ: đời sống dài ba mươi ngàn năm. Một hôm, vào ngày trai giới trăng tròn, vua Gandhàra đã phát nguyện giữ giới và ngự trên bảo tọa giữa ngai vàng dành cho ngài, nhìn ra một cửa sổ rộng mở ở góc hướng Ðông, ngài ngồi thuyết giảng cho quần thần về bản chất giáo lý. Lúc ấy, thần Ràhu (La-hầu: Vua các Thần A-tu-la) đã che hết mặt trăng tròn đầy đang tỏa sáng cả bầu trời. Ánh trăng biến mất. Triều thần không thấy ánh trăng, liền tâu vua rằng thần Ràhu đã chụp lấy mặt trăng.  Vua quan sát mặt trăng, nghĩ thầm "Mặt trăng đã mất ánh sáng vì bị một biến động bên ngoài làm hỏng. Nay triều thần chính là mối phiền lụy của ta. Ta không nên để mất ánh sáng như mặt trăng bị thần Ràhu chụp lấy. Ta muốn rời quốc độ như mặt trăng chiếu trên bầu trời trong sáng và trở thành ẩn sĩ. Tại sao ta lại giáo giới người khác? Ta muốn ra đi, từ giã thân quyến, thần dân và giáo giới bản thân ta mà thôi: điều ấy mới thích hợp với ta". Vì vậy ngài phán:  - Các khanh cứ làm gì tùy ý.  Rồi ngài trao quốc độ cho triều thần. Khi ngài đã từ bỏ vương quốc ở hai xứ Kashmir và Gandhàra, ngài sống đời tu hành. Khi chứng đắc các Thắng trí, ngài an cư mùa mưa ở vùng Tuyết Sơn, chuyên tâm vào sự an lạc của Thiền định.  Khi hỏi thăm các thương nhân, vua Videha bảo:  - Hiền hữu của ta có được khang an chăng?  Và được tin ngài đã ra đi đời sống tu hành, vua suy nghĩ: "Hiền hữu ta đã xuất gia tu tập, ta còn phải làm gì với quốc độ này?"  Vì thế ngài thoái vị ở kinh thành Mithilà dài bảy dặm, và vương quốc Videha rộng ba trăm dặm gồm mười sáu ngàn làng với các cửa hiệu đầy hàng hóa, mười sáu ngàn nữ vũ công, rồi cũng không nghĩ đến các hoàng tử và công chúa, vua lên vùng Tuyết Sơn sống đời tu hành. Tại đó ngài chỉ sống bằng quả rừng trong đời độc cư thanh tịnh. Cả hai vị vua an tịnh độc cư như vậy, sau đó gặp nhau; tuy thế hai vị vẫn sống cùng nhau trong cảnh đời an tịnh với tình thân hữu.  Ẩn sĩ xứ Videha phục vụ ẩn sĩ xứ Gandhàra. Vào một đêm đầy trăng, trong lúc hai vị ngồi dưới gốc cây đàm luận đạo lý, thần Ràhu che khuất mặt trăng đang sáng tỏa khắp bầu trời.  Ẩn sĩ xứ Videha nhìn lên, hỏi:  - Tại sao ánh trăng bị mất?  Và khi thấy trăng bị thần Ràhu chụp, vị ấy hỏi:  - Bạch Tôn sư, tại sao nó che khuất mặt trăng làm cho tối tăm vậy?  - Này đồ đệ, đó là do duyên quấy nhiễu mặt trăng tên gọi là Ràhu, nó ngăn cản mặt trăng chiếu sáng. Chính ta khi thấy mặt trăng bị thần Ràhu che khuất, đã suy nghĩ: "Mặt trăng sáng trở nên tối vì bị quấy nhiễu từ bên ngoài. Nay quốc độ là mối phiến nhiễu đối với ta, ta muốn theo đời tu hành để quốc độ không làm ta đen tối như thần Ràhu làm tối mặt trăng kia. Như vậy, lấy chuyện mặt trăng bị thần Ràhu che khuất làm chủ đề của ta, ta từ giã vương quốc và sống đời tu hành".  - Bạch Tôn sư, thế ngài là cựu vương nước Gandhàra ư?  - Chính phải.  - Bạch Tôn sư chính đệ tử là cựu vương Videha, trong quốc độ Videha và kinh thành Mithila, dù chúng ta chưa từng thấy nhau, chúng ta chẳng phải đã làm bạn với nhau đó sao?  - Thế chủ đề của Hiền hữu là gì?  - Ðệ tử nghe Tôn sư đã xuất gia tu tập nên suy nghĩ: "Chắc chắn ngài đã tìm thấy lợi ích của nếp sống ấy, đệ tử xem ngài là chủ đề của mình, nên từ giã quốc độ và xuất gia".  Từ đấy trở đi, hai vị trở nên hết sức thân thiết, quý mến nhau và chỉ sống bằng quả rừng. Sau một thời gian an trú tại đó, hai vị từ Tuyết Sơn đi xuống tìm muối và dấm, dần dần đến một làng ở biên địa.  Dân chúng hoan hỷ vì phong cách hai vị, đã cúng dường và khi nhận được lời hứa, họ dựng thảo am để hai vị trú ban đêm và ở cả trong rừng nữa, rồi mời hai vị ở lại đó; bên vệ đường họ còn dựng một phòng ăn ở một nơi đẹp có nước chảy.  Sau khi đi khất thực từ làng biên địa, hai vị ngồi dùng món ăn trong thảo am kia rồi trở về chỗ cư trú của mình. Dân chúng cúng dường thực phẩm có hôm để muối lên một lá rồi đem đến cho hai vị, hôm khác lại đem thức ăn không có muối.  Một hôm họ cúng dường hai vị rất nhiều muối trong một cái rỗ bằng lá. Ẩn sĩ xứ Videha lấy muối đem vừa đủ phần Bồ-tát lúc dùng thức ăn, và cũng lấy phần vừa đủ cho mình, sau đó cất phần còn lại trong rổ lá đặt vào một cuộn cỏ, tự nhủ: "Cái này sẽ có ích cho ngày không có muối".  Rồi một hôm nhận được thức ăn không có muối, ẩn sĩ xứ Videha đem món khất thực đến ẩn sĩ Gandhàra, lấy muối trong cuộn cỏ ấy ra và bảo:  - Bạch Tôn sư, hãy lấy muối.  - Dân chúng hôm nay không cho ta muối, vậy đồ đệ lấy đâu ra muối?  - Bạch Tôn sư, hôm kia dân chúng cho nhiều muối, nên đệ tử cất phần dư và bảo: "Cái này sẽ có ích cho ngày không muối".  Bồ-tát liền quở trách vị này, bảo:  - Này kẻ ngu si kia, ông đã từ bỏ vương quốc Videha rộng ba trăm dặm, đã xuất gia tu hành và chứng đạt tâm ly dục, nay ông lại khởi lòng ham thích muối và đường!  Khuyến giáo như vậy xong, ngài ngâm vần kệ đầu:  *1. Phố xá, thôn trang mười sáu ngàn, Ông từ bỏ hết mọi giàu sang, Kho tàng của cải nhiều vô tận, Nay tích trữ gì đấy phải chăng?*  Ẩn sĩ Videha bị khiển trách như vậy, không kham nhẫn lời khiển trách mà trở nên lạnh lùng bảo:  - Bạch Tôn sư, ngài không thấy lỗi của ngài, mặc dù ngài thấy lỗi của tôi. Ngài đã chẳng rời bỏ vương quốc và xuất gia, tự bảo: "Tại sao ta phải khuyến giáo kẻ khác? Ta muốn khuyến giáo bản thân ta mà thôi" ư? Thế sao nay ngài lại đang khuyến giáo tôi đấy?  Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Ngài bỏ Gan-dha, mọi phố phường, Biết bao châu báu ở kho tàng, Không còn ban lệnh cho ai nữa, Nay lại truyền tôi lệnh ấy chăng?*  Nghe vậy Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Chính vì chân chánh, ta khuyên răn, Vì ghét những gì chẳng chánh chân, Khi nói cho ông điều chánh hạnh, Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.*  Ẩn sĩ xứ Videha nghe Bồ-tát nói, đáp lại:  - Bạch Tôn sư, thuyết giảng cho người khác sau khi đã làm kẻ ấy đau buồn giận dỗi là điều không thích hợp, dầu có thuyết giảng đúng vấn đề đi nữa. Tôn sư đang nặng lời gay gắt với tôi như thể cạo đầu tôi với con dao cùn!  Rồi vị ấy ngâm vần kệ thứ tư:  *4. Bất cứ lời nào, nếu nói ra, Sẽ gây thương tổn đến người ta, Trí nhân không nói ra lời ấy, Cho dẫu tạo nên quá lớn mà!*  Bồ-tát liền đáp vần kệ thứ năm:  *5. Người nghe ta rắc trấu hay không, Hay dẫu người kia bị tổn thương, Khi nói ra điều gì chánh hạnh, Lỗi lầm ta chẳng phạm vào thân.*  Nói vậy xong, ngài tiếp tục bảo:  - Này Ànanda, ta không cư xử với ông như người thợ gốm cư xử với đám nồi đất chưa nung đâu. Ta sẽ còn khiển trách nhiều lần nữa, vì "Cái gì là cốt lõi, cái ấy sẽ tồn tại".  Do vậy, ngài cương quyết giữ cách xử sự phù hợp với lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Ví như người thợ gốm giữa đám đồ gốm, sau một thời gian thường xuyên đập gõ lên chúng, chỉ chọn cái nồi đã nung kỹ, chứ không chọn cái nồi đất chưa nung, ngài cũng chọn người tốt như chiếc nồi được nung kỹ kia bằng cách khuyến giáo và khiển trách nhiều lần như thế. Rồi muốn thuyết giảng để nêu rõ cho vị ấy hiểu điều này, ngài ngâm vần kệ:  *6. Nếu trí đức không được luyện rèn Trong đời sống để mãi tăng thêm, Nhiều người phiêu bạt chân buông thả, Như thể trâu mù cứ bước lên.  7. Song các trí nhân khéo luyện rèn Ðể cho thiện hạnh mãi tăng thêm, Chính nhờ đạo hạnh này thuần thục Nên các tha nhân bước tiếp liền.*  Nghe lời này, ẩn sĩ xứ Videha nói:  - Bạch Tôn sư, từ nay về sau xin cứ giáo huấn đệ tử . Ðệ tử trót lỡ nói lời bất nhã với ngài, xin tha thứ cho đệ tử.  Rồi cúi đầu đảnh lễ cung kính, vị ấy được Bồ-tát thứ lỗi.  Như vậy hai vị đã sống hòa hợp với nhau và trở về Tuyết Sơn. Sau đó Bồ-tát dạy ẩn sĩ xứ Videha cách chứng đắc Thiền định. Vị ấy tuân thủ và thành tựu các Thắng trí cùng các Thiền chứng. Hai vị không bao giờ gián đoạn Thiền định nên về sau tái sinh lên cõi Phạm thiên.  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, Bậc Ðạo Sư nhận diện tiền thân:*  *- Vào thời ấy ẩn sĩ xứ Videha là Ànanda và quốc vương Gandhàra chính là Ta.*  -ooOoo-  [**Đầu trang**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-01.html#top) **|** [**Mục lục**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-00.html) **| 01 |** [**02**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-02.html) **|** [**03**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-03.html) **|** [**04**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-04.html) **|** [**05**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-05.html) **|** [**06**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-06.html) **|** [**07**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-07.html) **|** [**08**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-08.html) **|** [**09**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-09.html) **|** [**10**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-10.html) **|** [**11**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-11.html) **|** [**12**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-12.html) |

*Chân thành cám ơn anh HDC đã có thiện tâm giúp tổ chức đánh máy vi tính (B. Anson, 02-2004).*

**[**[**Mục lục Tiểu Bộ**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo1\tieubo-00.html)**][**[**Thư Mục Tổng Quát**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)**]**

*last updated: 06-03-2004*